

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS - ST
Ngày 15 tháng 3 năm 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Nghị.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2016/TLST- DS ngày 27 tháng 10 năm 2016 “về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm 1963 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Thôn Ch, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn B 2, xã HĐ1, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người làm chứng:

1. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1953 (Có mặt);

2. Anh Lê Ngọc A, sinh năm 1983 (Có mặt);

Đều có địa chỉ cư trú: Thôn HĐ2, xã AH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1973;

Địa chỉ cư trú: Thôn NT 2, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa nguyên đơn bà Dương Thị M trình bày: Bà và chị Lê Thị Ng có quan hệ quen biết, chị Ng nhờ bà vay hộ tiền, vàng của người khác cho chị vay và bán bò

cho chị, nhiều lần tại nhà bà, bà đã đưa tiền cho chị Ng và anh A (Em trai chị Ng) cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 18/6/2015 (Âm lịch) bà đưa cho anh A 10.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 20/6/2015 (Âm lịch) bà đưa cho anh A 30.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999.
- Lần 3: Ngày 24/6/2015 (Âm lịch) bà đưa cho anh A 15.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 9999.
- Lần 4: Ngày 28/6/2015 (Âm lịch) bà đưa cho chị Ng 10.000.000 đồng.
- Lần 5: Ngày 18/7/2015 (Âm lịch) bà đưa cho chị Ng 5.000.000 đồng.
- Lần 6: Ngày 24/7/2015 (Âm lịch) bà đưa cho anh A 15.000.000 đồng.
- Lần 7: Ngày 04/8/2015 (Âm lịch) bà đưa cho chị Ng vay 15.000.000 đồng.

Các lần cho vay trên đều không viết giấy biên nhận. Khoảng tháng 6/2015 chị Ng bảo bố mẹ chị là ông Đông và bà D đến gia đình bà mua 01 con bò đực với giá 15.000.000đồng, nhưng ông bà chỉ đưa 1.000.000 đồng (Hai bên thỏa thuận bằng miệng không viết giấy biên nhận). Tháng 7/2015 chị Ng bảo bố mẹ chị đến gia đình bà mua 01 con bò cái đang có chửa với giá 30.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền và không ghi giấy biên nhận, tổng cộng hai lần bán bò là 44.000.000đồng. Đến ngày 06/8/2015 (Âm lịch) hai bên thống nhất viết giấy biên nhận của toàn bộ các lần vay tiền, mua bò và vàng tổng cộng là 100.000.000 đồng, tiền bò 44.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999, trong giấy biên nhận ghi thời hạn số tiền 100.000.000đ là phải trả nóng, tiền bò và vàng cho chịu đến tháng 10 âm lịch nhưng không ghi lãi suất.

Ngoài ra bà còn cho chị Ng vay nóng các số tiền như sau: Ngày 01/10/2015 chị Ng vay 10.000.000 đồng; ngày 15/10/2015 chị Ng vay 4.500.000 đồng; ngày 28/10/2015 chị Ng vay 7.500.000 đồng ; ngày 07/11/2015 bà đưa cho ông Đông (bố chị Ng) 2.000.000 đồng. Tổng cộng các lần vay trên là 24.000.000 đồng.

Nay bà M yêu cầu chị Ng phải trả cho bà 100.000.000 đồng cộng với 30.000.000đồng (Tiền bán bò) tổng là 130.000.000 đồng với lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 07/9/2015 đến khi Tòa án xét xử. Còn 09 chỉ vàng 9999 và 14.000.000đồng (Tiền bán bò) và 24.000.000đ tiền vay nóng bà yêu cầu chị Ng phải trả nhưng không tính lãi.

Tại phiên tòa bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện bà yêu cầu chị Ng phải trả cho bà 100.000.000đ cộng với 44.000.000đồng tiền bán bò và 05 chỉ vàng 9999 với giá trị 3.500.000đ/ chỉ x 5 chỉ = 17.500.000đ, tổng cộng 161.500.000đồng không tính lãi. Ngoài ra bà yêu cầu chị Ng phải trả cho bà 24.000.000đ và 04 chỉ vàng 9999 (Tính giá trị 3.500.000đ/chỉ x 04 chỉ) tổng số là 38.000.000đ và không tính lãi.

Bị đơn chị Lê Thị Ng trình bày: Chị quen biết bà M là do bà M có thời gian làm giúp việc cho gia đình chị. Chị xác nhận có vài lần vay tiền của bà M, mỗi lần vay vài triệu đồng nhưng chị đã trả cho bà M. Chị có lần ký vào tờ giấy vay tiền của bà M với số tiền vay 18.000.000 đồng, nhưng số tiền này chị đã trả cho bà M. Chị đã xem giấy vay tiền ngày 06/8/2015, trong giấy vay tiền này không phải là

chữ viết và chữ ký của chị. Chị xác nhận không vay số tiền 100.000.000đồng, 44.000.000đồng tiền mua bò, và 05 chỉ vàng 9999 của bà M, ngoài ra chị cũng không vay nóng của bà M 24.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 9999 nên chị không phải trả cho bà M số tiền và vàng này.

Lời khai của những người làm chứng: Bà Bùi Thị D trình bày: Bà là mẹ của chị Lê Thị Ng, bà và ông Lê Xuân Đông (Chồng bà) chưa có lần nào đến nhà bà M để mua bò hay cầm tiền của bà M về đưa cho chị Ng, bà không biết nhà bà M ở đâu. Ông Lê Xuân Đông (Chồng bà) hiện nay đang bị tai biến mạch máu não, không nói được. Bà M là người giúp việc cho chị Ng, do chị Ng không thuê nữa nên bà M bực tức đã làm đơn khởi kiện chị Ng để làm mất uy tín của chị Ng.

Anh Lê Ngọc A trình bày: Anh là em trai của chị Lê Thị Ng, anh biết bà M là do bà là người đến nhà chị Ng làm thuê, anh không biết nhà bà M ở đâu. Anh chưa có lần nào đến nhà bà M để cầm tiền hay vàng của bà M về đưa cho chị Ng, bà M trình bày anh đến nhà bà để cầm tiền, vàng của bà về cho chị Ng là không đúng.

Chị Lê Thị H trình bày: Chị có đến nhà chị Ng để làm lễ và có gặp bà M ở nhà chị Ng, có một lần chị thấy bà M cầm 01 quyển sổ bảo chị Ng ký để cho bà về, còn việc hai bên ký vào giấy tờ với nhau như thế nào thì chị không biết, vì chị không để ý.

Tòa án đi thu thập chứng cứ lấy lời khai của một số người dân ở thôn Ch, xã HĐ, lời khai của bà Nguyễn Thị PH trình bày. Bà M có con gái đi làm ở Hà Nội có gửi tiền về cho bà nên bà có tiền cho vay. Năm 2015 bà M có nuôi 02 con bò (01 con bò đực và 01 con bò cái), sau đó bà M bán bò, còn bán cho ai cụ thể được bao nhiêu tiền bà không biết. Gia đình bà cũng có lần vay nóng 10.000.000đồng của bà M để lo công việc gia đình. Lời khai của anh Nguyễn Văn Tài trình bày: Năm 2013 anh vay của bà M 50.000.000đ, đến đầu năm 2014 anh lại vay tiếp 50.000.000đ, đến đầu năm 2015 anh đã thu xếp trả cho bà M số tiền 100.000.000đ. Thu thập chứng cứ tại thôn B 2, xã HĐ1 được người dân cung cấp năm 2014, gia đình chị Ng có người đến đòi nợ, chồng chị Ng có hành vi dùng dao chém người này và bị Tòa án xử phạt tù. Nghe dư luận tại địa phương thì chị Ng có vay nợ của một số người. Gia đình chị Ng gồm có 2 vợ chồng và 03 con còn đang đi học sống phụ thuộc gia đình, chị Ng làm nghề thầy cúng, chồng chị Ng từ khi đi cải tạo về địa phương ở nhà chăn nuôi. Năm 2017 gia đình chị Ng có cải tạo lại nhà cấp 4 sửa lại đồ mái bằng và xây lên tầng 2, ngoài ra còn xây chuồng trại chăn nuôi.

Quá trình giải quyết vụ án chị Ng xác nhận không ký vào giấy vay tiền ngày 06/8/2015, chữ ký: “ Ng, lê Thị Ng” không phải là chữ ký của chị. Nguyên đơn bà Dương Thị M đề nghị Tòa án đi giám định chữ ký của chị Lê Thị Ng trong giấy vay tiền ngày 06/8/2015. Tòa án đi thu thập chữ ký: Tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TD được Chi cục Thi hành án Dân sự cung cấp 01 biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 10/3/2015; thu thập tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc được Tòa Hình

sự cung cấp cho Tòa án 03 biên bản ghi lời khai Lê Thị Ng vào các ngày 06/6/2014; ngày 18/6/2014; ngày 08/9/2014.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện TD ra quyết định trưng cầu giám định tại Viện khoa học Hình sự Bộ Công an để giám định đối với chữ ký, chữ viết đứng tên Ng, lê Thị Ng dưới mục: “Số chứng minh nhân dân” trên giấy vay tiền ngày 06/8/2015 (ký hiệu A1) so với chữ các chữ ký, chữ viết Lê Thị Ng trên các giấy tờ, tài liệu sau: Biên lai thu tiền phí, lệ phí (Ký hiệu M1); biên bản ghi lời khai ngày 06/6/2014 (Ký hiệu M2); biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2014 (Ký hiệu M3); biên bản ghi lời khai ngày 08/9/2014 (Ký hiệu M4); bản tự khai ngày 09 tháng 11 năm 2016 (Ký hiệu M5); biên bản giao thông báo về việc thụ lý vụ án ngày 09/11/2016 (Ký hiệu M6); biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/11/2016 (Ký hiệu M7); biên bản hòa giải ngày 21/11/2016 (Ký hiệu M8); đơn đề nghị ngày 26/12/2016 (Ký hiệu M9).

Tại kết luận giám định luận số 134/C54 - P5 ngày 19/5/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: Chữ ký “Ng” và các chữ “lê Thị Ng” dưới dòng chữ “Số chứng minh nhân dân (135259722)” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị Ng trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M9 do cùng một người ký, viết ra. Sau khi có kết luận giám định Tòa án đã có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho nguyên đơn, bị đơn, tại phiên họp bị đơn chị Ng không đồng ý với kết luận giám định nhưng không đề nghị đi giám định lại.

Tại phiên tòa ngày 08/9/2017 chị Lê Thị Ng yêu cầu Tòa án đi giám định tuổi mực đối với chữ ký Ng, lê Thị Ng so với các chữ khác trong giấy vay tiền ngày 06/8/2015 do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để ra quyết định trưng cầu giám định tuổi mực. Ngày 20/9/2017 Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định tại Viện khoa học Hình sự Bộ Công an để thực hiện giám định tuổi mực chữ ký, chữ viết đứng tên Ng, lê Thị Ng dưới mục: “Số chứng minh nhân dân (135259722)” so sánh với tuổi mực của các chữ viết còn lại trên giấy vay tiền ngày 06/8/2015 (Ký hiệu A1) để xác định chữ nào viết trước, chữ nào viết sau. Ngày 10/10/2017 Tòa án nhân dân huyện TD nhận được văn bản trả lời của Viện khoa học Hình sự về việc hiện nay Viện Khoa học Hình sự chưa giải quyết được yêu cầu giám định về tuổi mực và trả lại toàn bộ giấy tờ cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TD phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; điều 147, 162 Bộ luật tố tụng Dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M. Buộc chị Lê Thị Ng phải trả cho bà Dương Thị M số tiền

100.000.000đồng, 44.000.000đồng tiền bò và 05 chỉ vàng 9999 (Tính giá trị vàng là $3.500.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 5 \text{ chỉ} = 17.500.000\text{đ}$) tổng cộng là 161.500.000 đồng.

Về số tiền 24.000.000đ và 04 chỉ vàng 9999 (Tính giá trị $3.500.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 04 \text{ chỉ} = 14.000.000\text{đ}$), tổng cộng số tiền là 38.000.000đồng bà M yêu cầu chị Ng phải trả. Song bà M không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho chị Ng vay số tiền, vàng này nên không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu này của bà M.

Về chi phí giám định: Bà M yêu cầu giám định chữ ký, kết luận giám định chứng minh yêu cầu của bà M là có căn cứ nên chị Ng phải chịu chi phí giám định.

Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí về số tiền Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bà M phải chịu án phí đối với số tiền bà yêu cầu nhưng không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà M và chị Ng.

[2] Về nội dung: Trong giấy vay tiền ngày 06/8/2015 (Âm lịch) thể hiện bà M cho chị Ng vay 100.000.000đồng, 44.000.000đ tiền bán bò và 05 chỉ vàng 9999, giấy biên nhận có chữ ký của chị Ng. Bị đơn chị Ng không thừa nhận vay tiền, vàng và mua bò của bà M, chữ ký trong giấy vay ngày 6/8/2015 không phải là chữ ký của chị. Lời khai của bà Bùi Thị D (Mẹ chị Ng) không thừa nhận đến gia đình bà M mua bò của bà M về cho chị Ng. Lời khai của anh Lê Ngọc A (Em trai chị Ng) không thừa nhận đến gia đình bà M cầm tiền, vàng của bà M về đưa cho chị Ng. Tuy nhiên bà D và anh A đều là người thân thiết của chị Ng nên những lời khai này không được khách quan. Lời khai của người làm chứng chị Tạ Thị H nhưng chị H không chứng kiến việc bà M và chị Ng ký giấy tờ vay tiền như thế nào. Qua thu thập chứng cứ tại thôn B 2, xã HD1 được biết chị Ng có vay tiền của một số người như vay tiền của chị Linh là con gái của bà M 20.000.000đ, chị Linh đã làm đơn khởi kiện chị Ng và được Tòa án huyện TD thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó lời khai của bà M về việc cho chị Ng vay tiền là có cơ sở.

[3] Tòa án đã trưng cầu giám định tại Viện khoa học Hình sự Bộ Công an đối với chữ ký, chữ viết Ng, lê Thị Ng trong giấy vay tiền ngày 6/8/2015 so với các chữ ký, chữ viết khác trên tài liệu mẫu so sánh. Tại kết luận giám định số 134/C54-P5 ngày 19/5/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: Chữ ký “Ng” và các chữ “lê Thị Ng” dưới dòng chữ “Số trưng minh nhân dân (135259722)” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị Ng trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M9 do cùng một người ký, viết ra. Chị Lê Thị Ng đề nghị giám định tuổi mực đối với chữ ký Ng, lê Thị Ng so với các chữ khác trong giấy vay tiền ngày 06/8/2015. Tòa án nhân dân huyện TD đã

quyết định trưng cầu giám định tuổi mực và nhận được văn bản trả lời của Viện khoa học Hình sự, hiện nay Viện Khoa học Hình sự chưa giải quyết được yêu cầu giám định về tuổi mực. Chị Ng cho rằng chị không vay tiền, vàng, mua bò của bà M như giấy vay tiền ngày 06/8/2015, nhưng chị Ng không có chứng cứ để chứng minh là ký giấy tờ như thế nào, đã viết nội dung về việc vay tiền hay chưa viết nội dung gì nên chị phải chịu trách nhiệm trong trường hợp giám định đúng chữ ký của chị.

[4] Trong giấy vay tiền ngày 06/8/2015 còn có 05 chỉ vàng, theo nguyên đơn cung cấp là vàng 9999. Lời khai của nguyên đơn về loại vàng 9999 phù hợp với thực tế người dân tH tích trữ loại vàng có giá trị này, nên xác định vàng trong giấy vay tiền là loại vàng 9999. Bà M đề nghị tính 05 chỉ vàng 9999 theo giá thị trường hiện nay là 3.500.000đ/chỉ. Qua xác minh giá vàng tại thị trường là 3.500.000đ/chỉ nên yêu cầu của bà M tính giá vàng là 3.500.000đ/ chỉ được Hội đồng xét xử chấp nhận, $05 \text{ chỉ vàng } 9999 \times 3.500.000\text{đ/ chỉ} = 17.500.000\text{đ}$. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc chị Ng phải trả cho bà M tổng số tiền $144.000.000\text{đ} + 17.500.000 \text{ đồng (05 chỉ vàng)}$, tổng cộng là 161.500.000đồng.

[5] Về lãi suất trong giấy vay tiền ngày 06/8/2015 không ghi lãi suất, trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà M yêu cầu tính lãi suất của số tiền 100.000.000đ và 30.000.000 đồng tiền bán bò, tổng cộng là 130.000.000đ x với lãi suất 1% tính từ ngày 07/9/2015 đến khi Tòa án xét xử. Tại phiên tòa bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện bà yêu cầu chị Ng phải trả cho bà 100.000.000đ, 44.000.000đồng tiền bán bò và giá trị của 5 chỉ vàng 9999 và không yêu cầu lãi suất. Việc bà M không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền cho chị Ng vay theo giấy vay tiền ngày 06/8/2015 là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên cần buộc chị Ng phải trả cho bà M số tiền 100.000.000đồng, 44.000.000 đồng tiền bán bò và giá trị của 05 chỉ vàng 9999 ($05 \text{ chỉ} \times 3.500.000\text{đ/ chỉ}$) = 17.500.000đ, tổng cộng là 161.500.000đồng.

[6] Đối với số tiền, vàng bà M yêu cầu chị Ng phải trả cho bà 24.000.000đ và 04 chỉ vàng 9999. Bà M không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho chị Ng vay số tiền và vàng này. Vì vậy yêu cầu này của bà M là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[7] Về chi phí giám định: Nguyên đơn yêu cầu trưng cầu giám định, kết luận giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Nên bị đơn phải chịu chi phí giám định.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $161.500.000\text{đồng} \times 5\% = 8.075.000\text{đồng}$. Bà M không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Dương Thị M phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là $38.000.000\text{đ} \times 5\% = 1.900.000\text{đồng}$.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 147 và điều 162 Bộ luật tố tụng Dân sự; pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội ngày 27 tháng 02 năm 2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M đối với chị Lê Thị Ng. Buộc chị Lê Thị Ng phải trả cho bà Dương Thị M tổng số tiền là 161.500.000đồng (Một trăm sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Dương Thị M buộc chị Lê Thị Ng phải trả cho bà số tiền 24.000.000đ và 04 chỉ vàng có giá trị là 14.000.000đ, tổng cộng là 38.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Dương Thị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Ng không thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Chi phí giám định: Chị Lê Thị Ng phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo phiếu thu quyền số 04386 ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát để trả cho bà Dương Thị M 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Chị Lê Thị Ng phải chịu 8.075.000 đồng (Tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3.2 Bà Dương Thị M phải chịu 1.900.000đồng được trừ vào số tiền 5.100.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000356 ngày 27 tháng 10 năm 2016,.Bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3.3 Trả lại cho bà Dương Thị M số tiền 3.200.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000356 ngày 27 tháng 10 năm 2016.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Đường

